

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 129/2018/DS-ST

Ngày: 30/11/2018

*V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 534/2018/TLST-DS ngày 19/7/2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2018/QĐXXST-DS ngày 31/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2018/QĐST-DS ngày 16/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Hoài C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 84, tổ 32, khóm 4, phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Võ Văn Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

2.2. Lê Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 23, ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoài C là nguyên đơn, có ông Nguyễn Hồng Trà người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/5/2016, anh Võ Văn Đ cùng vợ là Lê Thị H đến nhà gặp anh Nguyễn Hoài C vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng do hai bên thỏa thuận miệng. Anh Đ và chị H nói khi nào cần lấy lại tiền thì anh C cho anh Đ và chị H biết trước 01 tháng.

Do cần tiền làm ăn nên anh C nhiều lần gặp trực tiếp và gọi điện cho anh Đ, chị H yêu cầu trả lại tiền thì anh Đ, chị H trả được 200.000.000 đồng là tiền vốn, chưa trả được khoản tiền lãi nào, còn nợ lại 500.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2016, anh Đ và chị H làm tờ cam kết trong thời hạn 07 ngày sẽ trả hết tiền vốn và lãi cho anh C. Đến nay, anh Đ và chị H kéo dài thời gian không trả nợ cho anh C.

Ngày 20/12/2017, anh Đ tiếp tục đến gặp anh C vay số tiền 480.000.000 đồng lãi suất 1,5%/tháng do hai bên thỏa thuận miệng, có làm biên nhận chỉ có mình anh Đ ký tên, anh Đ nói với anh C mục đích vay để trả nợ ngân hàng, tài sản đang thế chấp trong ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng anh Đ và chị H. Sau khi ngân hàng giải ngân, anh Đ sẽ trả hết cả vốn và lãi hai lần vay cho anh C. Nhưng đến nay, anh Đ vẫn chưa trả vốn và lãi cho anh C.

Về tiền lãi, anh Nguyễn Hoài C yêu cầu lãi suất 0,833%/tháng đối với cả 02 khoản tiền, thời gian tính lãi thì đối với khoản tiền 500.000.000đ được tính từ ngày 01/5/2016 đến ngày 01/6/2018 là 25 tháng: $500.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 25$ tháng = 104.125.000 đồng; còn đối với số tiền 480.000.000 đồng thì tính từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/6/2018 là 06 tháng: $480.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 06$ tháng = 23.990.000 đồng.

Như vậy, nay anh C yêu cầu anh Võ Văn Đ và chị Lê Thị H phải liên đới trả cho anh C số tiền nợ gốc 980.000.000 đồng, tiền lãi tổng cộng là 128.115.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.108.115.000 đồng.

Tại tờ tường trình, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn Đ trình bày:

Anh Đ không thừa nhận toàn bộ lời trình bày của anh C cũng như của đại diện hợp pháp của anh C mà cho rằng ngày 01/5/2015 anh có vay số tiền gốc 600.000.000 đồng của anh C, lãi là 100.000.000 đồng, có viết biên nhận 700.000.000 đồng để làm ăn. Sau đó, anh Đ đã trả được 200.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng. Sau đó anh Đ trả thêm 20.000.000 đồng. Ngày 20/12/2017 anh

C xuống nhà anh Đ kêu anh Đ ký lại biên nhận 480.000.000 đồng để xác nhận số nợ còn lại chứ anh Đ không có vay thêm số tiền này. Vào giữa tháng 3/2018, anh C có nhờ người cháu tên K đến đòi nợ, anh Đ đã đưa cho K 300.000.000 đồng trả cho anh C. Vậy anh Đ chỉ còn nợ anh C 180.000.000 đồng. Anh Đ chỉ trình bày như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh. Anh Võ Văn Đ thừa nhận chỉ có mình anh ký tên trong biên nhận ngày 01/5/2015 và tờ cam kết ngày 10/5/2016, chị Lê Thị H không có ký tên và anh chỉ còn nợ anh C 180.000.000 đồng (gồm 80.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi).

Nay anh Võ Văn Đ chỉ đồng ý trả cho anh C số tiền 180.000.000 đồng, không đồng ý trả theo yêu cầu của anh C. Về tài liệu chứng cứ chứng minh thì ngoài lời trình bày ra, anh Đ không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại tờ tường trình và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H là bị đơn trình bày:

Chị H thừa nhận chị H và anh Đ là vợ chồng và hiện nay vẫn còn sống chung. Tuy nhiên số tiền mà nguyên đơn yêu cầu chị H và anh Đ phải liên đới trả nói trên thì chị H không đồng ý vì chị H cho rằng chị chỉ ký tên vào biên nhận chứ không nhận bất cứ số tiền nào. Việc vay tiền chỉ có anh C và anh Đ liên lạc với nhau, chị không biết rõ. Nên nay chị H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 1.108.115.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Võ Văn Đ và chị Lê Thị H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hoài C yêu cầu anh Võ Văn Đ và chị Lê Thị H phải liên đới trả cho anh C số tiền nợ gốc 980.000.000 đồng, cùng khoản tiền lãi là 128.115.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.108.115.000 đồng theo các biên nhận ngày 01/5/2016 và 20/12/2017.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ biên nhận ngày 01/5/2016 có nội dung “*Võ Văn Đ và vợ Lê Thị H có mượn của anh Nguyễn Hoài C số tiền 700.000.000 đồng*”, có ký tên và viết họ tên Võ Văn Đ, Lê Thị H và Tờ cam kết ngày 10/5/2016 có nội dung “*Võ Văn Đ và vợ Lê Thị H cùng hứa trả tiền cho anh C với số tiền 700.000.000 đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày 10/5 đến ngày 17/5/2016*” có ký tên và viết họ tên Võ Văn Đ, Lê Thị H; biên nhận ngày 20/12/2017 có nội dung “*Võ Văn Đ có đến hỏi vay tiền của anh Nguyễn Hoài C số tiền 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng). Mục đích vay đáo nợ ngân hàng (lãi suất do hai bên thỏa thuận bằng miệng)*” ký tên viết họ tên Võ Văn Đ”. Anh Đ thừa nhận có ký tên và viết họ tên vào hai biên nhận, chị H thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 01/5/2016. Tuy nhiên, anh Đ trình bày đối với số tiền 700.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/5/2016 thì anh Đ đã trả được hai lần: lần thứ nhất 200.000.000 đồng, lần thứ hai 20.000.000 đồng, tổng cộng đã trả được 220.000.000 đồng, còn nợ lại 480.000.000 đồng. Biên nhận ngày 20/12/2017 là do anh C đến nhà anh Đ kêu anh Đ ký để xác nhận số nợ còn lại là 480.000.000 đồng chứ anh Đ không có vay thêm số tiền này. Mặt khác, anh Đ còn trình bày là vào giữa tháng 3/2018, anh C có nhờ người cháu tên K đến đòi nợ, anh Đ đã đưa cho K 300.000.000 đồng trả cho anh C. Như vậy anh Đ chỉ còn nợ anh C 180.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của anh Đ không được anh C thừa nhận, anh Đ cũng không có chứng cứ gì để chứng minh và cho đến nay anh Đ vẫn không cung cấp được thông tin của người làm chứng nói trên cho Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn theo các biên nhận trên là có thật và bị đơn cũng không chứng minh được đã trả cho nguyên đơn các số tiền này, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc là có căn cứ.

[6] Đối với việc chị H trình bày chị H là vợ của anh Võ Văn Đ chỉ ký tên trong biên nhận chứ không nhận bất cứ số tiền nào. Việc vay tiền chỉ có anh C và anh Đ liên lạc với nhau, chị không biết rõ nên chị H không đồng ý theo yêu cầu của anh C. Xét lời trình bày chị H là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì chị H là vợ hợp pháp và sống chung với anh Đ, chị H thừa nhận có ký tên vào biên nhận, hơn nữa anh Đ cho rằng vay tiền của anh C để trả nợ ngân hàng và tài sản đang thế chấp trong ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng anh Đ và chị H nên việc chị H trình bày là việc vay tiền của anh Đ chị không biết rõ là không có cơ sở. Ngoài ra chị H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay tiền của anh Đ vì mục đích cá nhân, do đó Hội đồng xét xử xác định khoản nợ này là vay chung và là nợ chung của vợ chồng anh Đ, chị H. Do đó, anh C yêu cầu anh Đ và chị H phải có nghĩa vụ

liên đới trả số tiền 1.108.115.000 đồng cho anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn cùng liên đới trả cho nguyên đơn các khoản nợ và khoản lãi là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463 Bộ luật dân sự;
- Điều 26, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoài C. Buộc anh Võ Văn Đ và chị Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Hoài C số tiền vốn vay là 980.000.000 đồng và tiền lãi là 128.115.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.108.115.000 đồng (một tỷ một trăm lẻ tám triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Văn Đ và chị Lê Thị H phải liên đới chịu án phí là 45.243.500 đồng (bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Anh Nguyễn Hoài C không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.620.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai số 0000572 ngày 18/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo